

Bản án số: 21 /2021/DS – PT
Ngày: 04/02/2021
V/v “T/c chia thừa kế”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Bích Hải**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Hải**

Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang**

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà **Lê Thanh Thúy** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:***
Bà **Nguyễn Thị Thủy** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 04 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 144/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 8 năm 2020 về việc “*Tranh chấp thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 02/06/2020 của Tòa án nhân dân quận N.K. bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2021/QĐ - PT ngày 15 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông **Trần H.H.**, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Số 45/16 H.T.K, phường A.N., quận N.K., thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền bà Trần Thúy P.

Địa chỉ: số 9D đường L., phường T.A., quận N.K., thành phố Cần Thơ.

- ***Bị đơn:*** Ông **Trần T.P.**, sinh năm 1952

Địa chỉ: Số 45/16 H.T.K, phường A.N., quận N.K., thành phố Cần Thơ

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1/ Ông **Trần Đ.T.** (đã chết), người thừa kế thế vị:

- Bà **Trần K.P.**,

- Bà **Trần N.D.**,

Cùng địa chỉ: số 91/37, ấp Tân Bình, xã G., huyện P., thành phố Cần Thơ.

2/ Bà **Trần Thị K.H.** , sinh năm 1949.

Địa chỉ: ấp T.T., thị trấn R., huyện C., tỉnh Hậu Giang.

3/ Bà **Trần Thị B.T.** (đã chết), Người thừa kế thế vị bao gồm:

- Bà **Nguyễn Thị T.L.**;
- Ông **Nguyễn L.T.**;
- Ông **Nguyễn Trường T.**;
- Ông **Nguyễn Thành Vĩnh**;

Cùng địa chỉ: Số 37/19B H.T.K, phường A.N., quận N.K., Thành phố Cần Thơ.

4/ Bà **Trần Thị L.D.**

Địa chỉ: Số 168/18 đường Phạm Phú Thứ, phường 4, quận 6, TP. Hồ Chí Minh.

5/ Ông **Trần T.S.** (đã chết), người thừa kế thế vị ông **Trần T.D.**. Địa chỉ: Số 45/16 H.T.K, phường A.N., quận N.K., thành phố Cần Thơ

6/ Bà **Trần Thị B.L.**

Địa chỉ: Số 45/3 H.T.K, phường A.N., quận N.K., Thành phố Cần Thơ.

7/ Bà **Trần Thị H.H.**,

Địa chỉ: Số 37P18/7A, Khu vực 3, N., phường A., quận N.K., Thành phố Cần Thơ.

8/ Bà **Trần Thị N.G.**

Địa chỉ: Số 40T7/2 Khu vực 3, phường A., quận N.K., Thành Phố Cần Thơ.

9/ Bà **Trần Thị P.L.**,

Địa chỉ: Số 21/2, đường P., phường T., quận N.K., thành phố Cần Thơ.

10/ Ông **Trần T.Đ** (Vượt biên mất tích vào năm 1983).

Người kháng cáo: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H.H..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn bà Trần Thúy P. trình bày: Cha mẹ ông Trần H.H. là ông Trần Văn Đ., sinh năm 1923 (chết ngày 23/5/2004) và bà Nguyễn Thị H., sinh năm 1927 (chết ngày 13/11/2012). Giữa ông Đ. với bà H. có 08 người con gồm: Trần Thị K.H., Trần H.H., Trần T.P., Trần Thị L.D., Trần Thị B.L., Trần Thị H.H., Trần Thị N.G. và Trần Thị P.L..

Lúc sinh thời ông Đ., bà H. có tạo lập được một khối tài sản chung là nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số: 45/16, đường H.T.K, phường A.N., quận N.K., Thành phố Cần Thơ, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 5401070980 (Hồ sơ gốc: 80/2003) do UBND tỉnh Cần Thơ cấp cho ông Trần Văn Đ. và bà Nguyễn Thị H. ngày 17/11/2003.

Hiện nay toàn bộ phần nhà và quyền sử dụng đất do cha mẹ để lại do ông Trần T.P. chiếm giữ, các anh em trong gia đình không thỏa thuận được với nhau trong việc chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại.

Trong khi đó, ông Trần H.H. có hoàn cảnh rất khó khăn không có nhà ở, tất nguyên ngồi xe lăn bán vé số dạo để sinh sống. Năm 2013, ông H.H. có ở một phòng trong nhà số: 45/16 đường H.T.K, phường A.N., quận N.K., thành phố Cần Thơ của cha mẹ để lại nhưng phải trả tiền thuê cho em ông là Trần T.P. với giá 700.000 đồng/tháng, tiền điện nước trả riêng. Sau khi ở được khoảng 02 tháng thì ông T.P. đuổi ông H.H. ra khỏi nhà do không có tiền trả.

Năm 2016, ông Trần T.P. đã lên các anh em trong gia đình giả chữ ký của cha mẹ thực hiện thủ tục xin cấp phép xây dựng, sau khi ông H.H. có đơn kiến nghị thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N.K. ban hành Quyết định số: 4086/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 về việc thu hồi, hủy bỏ giấy phép xây dựng đã cấp cho ông Trần Văn Đ., bà Nguyễn Thị H. ngày 27/6/2016.

Do ông Trần Văn Đ. và bà Nguyễn Thị H. chết không để lại di chúc, vì vậy ông Trần H.H. yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế là nhà và đất tọa lạc tại số: 45/16 đường H.T.K, phường A.N., quận N.K., thành phố Cần Thơ theo pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 17/8/2016, bị đơn ông Trần T.P. trình bày: Cha mẹ ông là ông Trần Văn Đ. (chết năm 2004) và bà Nguyễn Thị H. (chết năm 2013). Lúc còn sống cha mẹ ông có tổng cộng 13 người con gồm: 1. Trần Đ.T.; 2. Trần Thị K.H.; 3. Trần Thị B.T.; 4. Trần H.H.; 5. Trần T.P.; 6. Trần Thị L.D.; 7. Trần Thị B.L.; 8. Trần Thị N.G.; 9. Trần Thị H.H.; 10. Trần T.S.; 11. Trần Q.S.; 12. Trần T.Đ; 13. Trần Thị P.L..

Trong 13 người con thì có 05 người đã chết gồm;

1/ Trần Đ.T., có 02 người con là Trần K.P. và Trần N.D..

2/ Trần Thị B.T., có 04 người con là Nguyễn Thị T.L.; Nguyễn L.T.; Nguyễn Trường T.; Nguyễn T.V..

3/ Trần T.S., có 01 con là Trần T.D..

4/ Trần T.Đ, có một người con không biết tên ở Úc.

5/ Trần Q.S., không có con.

Cha mẹ ông có tạo lập được một khối tài sản chung là nhà đất có diện tích khoảng 105m2, tọa lạc tại số: 45/16 đường H.T.K, phường A.N., quận N.K., thành phố Cần Thơ, khi cha mẹ mất không để lại di chúc.

Nay ông Trần H.H. tranh chấp chia di sản thừa kế thì ông đồng ý nhưng với điều kiện là phải có sự đồng ý của tất cả anh chị em. Vì nhà của cha mẹ để lại đã

xuống cấp nên một số anh chị em đã hùn tiền xây dựng lại một phần nhà để có chỗ thờ cúng cha mẹ. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để bảo vệ quyền lợi cho ông.

Theo bản tự khai ngày 17/8/2016, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H.H. trình bày: Cha mẹ bà là ông Trần Văn Đ., sinh năm 1923 (chết năm 2004) và bà Nguyễn Thị H., sinh năm 1927 (chết năm 2012).

Lúc sinh thời cha mẹ bà có tạo lập được một khối tài sản chung là nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số: 45/16, đường H.T.K, phường A.N., quận N.K., thành phố Cần Thơ, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 5401070980 (Hồ sơ gốc: 80/2003) do UBND tỉnh Cần Thơ cấp cho ông Trần Văn Đ. và bà Nguyễn Thị H. ngày 17/11/2003. Hiện tại nhà và đất này do ông Trần T.P. quản lý.

Hoàn cảnh anh ruột bà là Trần H.H. hiện rất khó khăn không có chỗ ở ổn định lại bị tai biến phải ngồi xe lăn bán vé số dạo để sinh sống. Vào đầu năm 2013, ông T.P. có bố trí cho ông H.H. một chỗ ở khoảng 6m² nhưng thiếu thốn phương tiện sinh hoạt vệ sinh cá nhân, chỉ ở được 02 tháng thì bị ông T.P. đuổi ra ngoài đường mặc dù ông H.H. phải trả tiền thuê chỗ ở hàng tháng.

Hiện tại, gia đình ông H.H. vẫn phải thuê phòng trọ để ở nên bà thống nhất yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại là nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số: 45/16 đường H.T.K, phường A.N., quận N.K., thành phố Cần Thơ theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị L.D. trình bày: Thống nhất với trình bày của ông Trần T.P. về những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn Đ., bà Nguyễn Thị H. gồm có 13 người con, cũng như 05 người con chết trước ông Đ., bà H. và hàng thừa kế thế vị của những người này. Thống nhất khi còn sống cha mẹ bà có tạo dựng được một khối tài sản chung là nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số: 45/16 đường H.T.K, phường A.N., quận N.K., Thành phố Cần Thơ. Khi cha mẹ bà chết không để lại di chúc nên bà đồng ý với yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Trần H.H. nhưng phải có sự đồng ý của tất cả các anh chị em trong gia đình. Vì nhà đã xuống cấp chỉ còn lại nền nhà nên một số anh chị em đã hùn tiền xây dựng lại một phần nhà để có chỗ thờ cúng cha mẹ.

Bà Trần Thị N.G. trình bày: Thống nhất với trình bày của bà Trần Thị L.D., đồng ý với yêu cầu phân chia di sản thừa kế là nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại: 45/16 đường H.T.K, phường A.N., quận N.K., Thành phố Cần Thơ của ông Trần H.H. nhưng với điều kiện là phải có sự đồng ý của tất cả anh chị em trong gia đình.

Bà Trần Thị P.L. trình bày: Thống nhất với trình bày của bà Trần Thị L.D., đồng ý với yêu cầu phân chia di sản thừa kế là nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại: 45/16 đường H.T.K, phường A.N., quận N.K., Thành phố Cần Thơ của ông Trần H.H. nhưng với điều kiện là phải có sự đồng ý của tất cả anh chị em trong gia đình.

Bà Trần Thị B.L. trình bày: Thống nhất với trình bày của bà Trần Thị L.D., đồng ý với yêu cầu phân chia di sản thừa kế là nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại: 45/16 đường H.T.K, phường A.N., quận N.K., Thành phố Cần Thơ của ông Trần H.H. nhưng với điều kiện là phải có sự đồng ý của tất cả anh chị em trong gia đình. Vì nhà đã xuống cấp chỉ còn nền nhà nên bà có đưa cho ông Trần T.P. số tiền 200.000.000 đồng để xây dựng lại nhà và để thờ cúng tổ tiên.

Bà Trần Thị K.H. trình bày: Thống nhất với trình bày của bà Trần Thị L.D., đồng ý với yêu cầu phân chia di sản thừa kế là nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại: 45/16 đường H.T.K, phường A.N., quận N.K., Thành phố Cần Thơ của ông Trần H.H. nhưng với điều kiện là phải có sự đồng ý của tất cả anh chị em trong gia đình.

Tại bản án sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 02/06/2020 của Tòa án nhân dân quận N.K. đã tuyên như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần H.H. về việc phân chia di sản thừa kế của ông Trần Văn Đ., bà Nguyễn Thị H. để lại theo pháp luật.

1. Buộc ông Trần T.P. có nghĩa vụ thanh toán cho những người thuộc hàng thừa kế của ông Trần Văn Đ., bà Nguyễn Thị H. như sau:

- Thanh toán cho ông Trần H.H., bà Trần Thị K.H. (Trần Thị Kiêm Hoa), bà Trần Thị L.D., bà Trần Thị B.L., bà Trần Thị H.H., bà Trần Thị N.G. (Trần Thị Ngọc Giào), bà Trần Thị P.L., mỗi người một phần di sản thừa kế có giá trị: 228.633.000 đồng.
- Thanh toán cho bà Trần K.P., bà Trần N.D. (thừa kế thế vị của ông Trần Đ.T.) một phần di sản thừa kế có giá trị 228.633.000 đồng.
- Thanh toán cho bà Nguyễn Thị T.L., ông Nguyễn L.T., ông Nguyễn Trường T., Ông Nguyễn Thành Vĩnh (thừa kế thế vị của bà Trần Thị B.T.) một phần di sản thừa kế có giá trị 228.633.000 đồng.
- Thanh toán cho ông Trần T.D. (thừa kế thế vị của ông Trần Thiện Sơn) một phần di sản thừa kế có giá trị 228.633.000 đồng.
- Thanh toán cho ông Trần T.Đ một phần di sản thừa kế có giá trị 228.633.000 đồng. Tạm giao cho ông Trần T.P. quản lý phần di sản thừa kế của ông Đ. theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Công nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số: 45/16 đường H.T.K, phường A.N., quận N.K., thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 5401070980 (Hồ sơ gốc: 80/2003) do UBND tỉnh Cần Thơ cấp cho ông Trần Văn Đ. và bà Nguyễn Thị H. ngày 17/11/2003 cho ông Trần T.P..

Ông Trần T.P. được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 15/6/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H.H. có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét về giá trị tài sản thừa kế theo giá trị thẩm định của Công ty TNHH S.P. ngày 08/3/2019 là không còn phù hợp so với biến động thị trường nên yêu cầu được giám định lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H.H. trình bày: Bà H. yêu cầu giải quyết chia thừa kế cho bà được hưởng theo giá trị thẩm định theo giá thị trường tại thời điểm xét xử phúc thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Trần Thúy P. trình bày: Di sản thừa kế của Ông Trần Văn Đ. và bà Nguyễn Thị H. là nhà và đất tại số 45/16 H.T.K, phường A.N., quận N.K., thành phố Cần Thơ. Do ông Trần Văn Đ., bà Nguyễn Thị H. qua đời không để lại di chúc, nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm tuyên xử chia thừa kế theo giá thị trường năm 2019, bà Trần Thị H.H. kháng cáo yêu cầu xem xét chia lại theo giá trị tài sản tại thời điểm xét xử phúc thẩm. Nên nguyên đơn đề nghị xem xét để chia lại giá trị tài sản cho tất cả các người thừa kế của ông Đ., bà H..

Bị đơn ông Trần T.P., người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Nhà đất của cha mẹ để lại đã xuống cấp, các anh chị em có góp tiền xây dựng lại để cho bị đơn ở quản lý và có chỗ cúng đồ cha mẹ. Nay ông H.H. và bà H. tranh chấp phía bị đơn hoàn cảnh khó khăn không thể thanh toán ngay được nên yêu cầu cho thời hạn 06 tháng để có điều kiện thanh toán tiền cho bà H., ông H.H..

Bà H. và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thúy P. yêu cầu HĐXX tiếp tục giải quyết theo quy định, không đồng ý với ý kiến thanh toán giá trị tài sản thừa kế trong thời hạn 06 tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, đương sự và Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:*

Căn cứ vào các chứng cứ các đương sự cung cấp và Tòa án đã thu thập, căn cứ vào ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Nội dung vụ án thể hiện sinh thời ông Trần Văn Đ. và bà Nguyễn Thị H. tạo lập được một căn nhà và đất tại số 45/16 H.T.K, phường A.N., quận N.K., thành phố Cần Thơ; ông bà có 13 người

con (chết một người còn lại 12 người). Ông Đ., bà H. chết không để lại di chúc nên cấp sơ thẩm giải quyết chia thừa kế theo pháp luật là phù hợp.

Theo kết quả định giá tại cấp sơ thẩm, giá trị nhà và đất theo chứng thư thẩm định của Công ty TNHH thẩm định giá và đào tạo S.P. ngày 08/3/2019 là 2.743.598.000 đồng, cấp sơ thẩm chia đều giá trị trên cho 12 kỷ phần là chưa phù hợp vì trong đó bị đơn và người liên quan đã sửa chữa lại toàn bộ căn nhà, nhà cũ không còn để thẩm định giá nên cần rút kinh nghiệm. Sau khi cấp sơ thẩm xét xử chỉ có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H.H. kháng cáo do biến động giá thị trường kể từ thời điểm định giá cho đến khi xét xử. Theo định giá ngày 16/10/2020, giá trị đất được định giá là 3.470.730.900 đồng, giá trị nhà là 309.544.200 đồng, bà H. được nhận giá trị đất là 289.227.575 đồng. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của bà H. là có căn cứ chấp nhận một phần nên đề nghị áp dụng khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần kháng cáo của bà H., phần chi phí thẩm định do bà H. yêu cầu xem xét lại phần quyền lợi của bà nên phải chịu chi phí giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] **Về tố tụng:** Thủ tục kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H.H. thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại cấp phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần K.P., bà Trần N.D., ông Trần T.D., bà Trần Thị N.G. được triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, do vậy HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của ông Trần Văn Đ. và bà Nguyễn Thị H. là nhà và đất tại số 45/16 H.T.K, phường A.N., quận N.K., thành phố Cần Thơ. Nhận thấy:

Ông Trần Văn Đ., sinh năm 1925, chết ngày 23/5/2004; Bà Nguyễn Thị H., sinh năm 1925, chết ngày 13/11/2012. Thời điểm mở thừa kế được xác định từ ngày ông Đ., bà H. chết đến ngày nguyên đơn khởi kiện ngày 07/07/2016, thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế vẫn còn.

Lúc sinh thời ông Trần Văn Đ., bà Nguyễn Thị H. chung sống với nhau có 13 người con gồm: 1/ Trần Đ.T., 2/ Trần Thị K.H., 3/ Trần Thị B.T., 4/ Trần H.H., 5/ Trần T.P., 6/ Trần Thị L.D., 7/ Trần Thị B.L., 8/ Trần Thị N.G., 9/ Trần Thị H.H., 10/ Trần T.S., 11/ Trần Q.S., 12/ Trần T.Đ, 13/ Trần Thị P.L.. Trong đó, có 05 người đã

chết là: Trần Đ.T. (có 02 người con là Trần K.P. và Trần N.D.); Trần Thị B.T. (có 04 người con là Nguyễn Thị T.L., Nguyễn L.T., Nguyễn Trường T., Nguyễn T.V.); Trần T.S. (có 01 người con là Trần T.D.); Trần T.Đ (có 01 người con không biết tên ở Úc); Trần Q.S. (chết khi còn nhỏ không có con); ông Đ. với bà H. không có con riêng và con nuôi nào khác.

Ngoài ra các đương sự cho rằng vào năm 1982, ông Trần T.Đ đi vượt biên và đã chết. Đến năm 2006, có một người phụ nữ đến gia đình thông tin đi cùng chuyến tàu với ông Đ. và khẳng định ông Đ. đã chết, giữa ông bà có 01 người con gái đang ở Úc. Đến thời điểm xét xử vụ án, các đương sự không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh ông Đ. đã chết nên cấp sơ thẩm nhận định ông Đ. vẫn được hưởng 01 suất thừa kế theo quy định là có cơ sở.

Về di sản thừa kế: Các đương sự thống nhất xác định phần diện tích quyền sử dụng đất là 102,2m², thửa đất số 200, tờ bản đồ số 04 và nhà ở cấp 4, diện tích xây dựng 90,39m², diện tích sử dụng 124,83m², tọa lạc tại 45/16 H.T.K, phường A.N., quận N.K., thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và đất ở và quyền sử dụng đất ở số : 5401070980 (số vào sổ : 80/2003) do UBND tỉnh Cần Thơ cũ cấp ngày 17/11/2003 là thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trần Văn Đ. và bà Nguyễn Thị H.. Do ông Đ., bà H. có 13 người con nhưng trong đó có ông Trần Q.S. chết khi còn nhỏ không có người thừa kế nên hàng thừa kế còn lại 12 người. Nguyên đơn và các đồng thừa kế thống nhất ông Đ., bà H. chết không để lại di chúc nên đồng ý chia di sản thừa kế theo pháp luật theo phương thức chia đều cho 12 thừa kế là có cơ sở một phần.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, theo chứng thư thẩm định ngày 08/3/2019 của Công ty TNHH thẩm định giá và Đào tạo S.P. thì giá trị tài sản nhà và đất tại số 45/16 H.T.K, phường A.N., quận N.K., thành phố Cần Thơ có giá trị đất là 2.376.238.400 đồng, giá trị nhà là 367.359.300 đồng. Do sự không hợp tác trong công tác thẩm định của các đương sự, cấp sơ thẩm không xác định được phần sửa chữa mới, phần xây dựng cũ nên đã tính tổng giá trị nhà và đất theo kết quả thẩm định giá số tiền là 2.743.598.000 đồng chia cho 12 kỳ phần để tính giá trị một kỳ phần thừa kế được nhận 228.633.000 đồng là chưa phù hợp. Bởi lẽ, nhà 45/16 H.T.K đã xuống cấp bị mục nát nên bị đơn và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã góp tiền xây dựng sửa chữa toàn bộ căn nhà là sự thật, việc này được ông H.H., bà H. thừa nhận. Do nhà cũ không còn và ông H.H., bà H. cũng không đóng góp tiền sửa chữa nhà nhưng cấp sơ thẩm tính tổng giá trị nhà đất để chia đều là chưa phù hợp. Tuy nhiên, các đương sự không có kháng cáo xem như chấp nhận quyết định xét xử của bản án sơ thẩm đã tuyên.

Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H.H. về việc giá trị tài sản thừa kế theo giá trị thẩm định của Công ty TNHH S.P. ngày 08/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là không còn phù hợp so với biến động thị

trường nên kháng cáo yêu cầu được giám định lại. Xét thấy: Sau khi cấp sơ thẩm xét xử thì chỉ riêng bà Trần Thị H.H. có kháng cáo nên chỉ xem xét lại kỷ phần của người có kháng cáo.

Nhận thấy, giá trị tài sản tính đến thời điểm hiện tại đã có biến động tăng giá. Tại phiên tòa, các đương sự không ai có ý kiến gì đối với kết quả định giá theo chứng thư thẩm định ngày 08/3/2019 và ngày 16/10/2020, bị đơn chỉ xin xem xét cho thời hạn thanh toán giá trị theo số tiền kỷ phần ông H.H., bà H. được hưởng trong thời hạn 06 tháng nhưng nguyên đơn và bà H. không đồng ý. Do vậy, HĐXX xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà H. là có cơ sở chấp nhận một phần.

Theo chứng thư thẩm định ngày 16/10/2020, của Công ty TNHH thẩm định giá và đào tạo S.P. giá trị đất là 3.470.730.900 đồng, giá trị nhà là 309.544.200 đồng. Từ cơ sở trên, HĐXX chỉ tính giá trị đất chia đều cho 12 kỷ phần để xác định một kỷ phần kháng cáo của bà H. được hưởng, cụ thể:

$$3.470.730.900 \text{ đồng} : 12 = 289.227.575 \text{ đồng.}$$

Đối với 11 kỷ phần còn lại không có kháng cáo tính theo giá trị nhà đất như bản án sơ thẩm tuyên mỗi kỷ phần được hưởng 228.633.000 đồng.

Tại phiên tòa, các đương sự xác định bị đơn ông Trần T.P. là người đang quản lý nhà và đất tại 45/16 H.T.K và sử dụng từ trước cho đến nay. Vì vậy công nhận cho ông T.P. được quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất nêu trên, ông T.P. có nghĩa vụ trả giá trị cho những người thuộc hàng thừa kế như bản án sơ thẩm nhận định là có cơ sở.

Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy quan điểm của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Tính trên giá trị kỷ phần được nhận số tiền 228.633.000 đồng x 5% các đương sự : Ông H.H., ông T.P., bà D, bà L, bà H, bà G, ông D, ông Đ phải chịu 11.431.000 đồng.

Bà P., bà Diễm cùng chịu 11.431.000 đồng.

Bà L., ông T., ông Th, ông V cùng chịu 11.431.000 đồng.

Ông H.H. thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nên không phải nộp án phí.

Bà H. phải chịu án phí trên giá trị kỷ phần được nhận:

$$289.227.575 \text{ đồng} \times 5\% = 14.461.378 \text{ đồng}$$

- Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị H.H., sửa bản án sơ thẩm nên bà H. không phải chịu án phí phúc thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[4] Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

- Chi phí thẩm định, định giá sơ thẩm: Số tiền là 7.500.000 đồng chia 12 phần = 625.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp chi phí nên các được sự phải hoàn trả lại cho nguyên đơn mỗi suất thừa kế số tiền thẩm định là 625.000 đồng.

- Chi phí thẩm định, định giá phúc thẩm: Số tiền 3.600.000 đồng, do bà H. kháng cáo yêu cầu chia lại kỹ phần theo giá thị trường nên phải chịu chi phí thẩm định và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của UBTVQH số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị H.H.;

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần H.H. về việc phân chia di sản thừa kế của ông Trần Văn Đ., bà Nguyễn Thị H. để lại theo pháp luật.

[1] Buộc ông Trần T.P. có nghĩa vụ thanh toán cho những người thuộc hàng thừa kế của ông Trần Văn Đ., bà Nguyễn Thị H. như sau:

- Thanh toán cho ông Trần H.H., bà Trần Thị K.H., bà Trần Thị L.D., bà Trần Thị B.L., bà Trần Thị N.G. bà Trần Thị P.L., mỗi người một phần di sản thừa kế có giá trị: 228.633.000 đồng.

- Thanh toán cho bà Trần K.P., bà Trần N.D. (Thừa kế thế vị của ông Trần Đ.T.) một phần di sản thừa kế có giá trị: 228.633.000 đồng.

- Thanh toán cho bà Nguyễn Thị T.L., ông Nguyễn Trường L., ông Nguyễn Trường T., ông Nguyễn T.V. (Thừa kế thế vị của bà Trần Thị B.T.) một phần di sản thừa kế có giá trị: 228.633.000 đồng.

- Thanh toán cho ông Trần T.D. (Thừa kế thế vị của ông Trần T.S.) một phần di sản thừa kế có giá trị: 228.633.000 đồng.

- Thanh toán cho bà Trần Thị H.H. một phần di sản thừa kế có giá trị là 289.227.575 đồng.

- Thanh toán cho ông Trần T.Đ một phần di sản thừa kế có giá trị 228.633.000 đồng. Tạm giao cho ông Trần T.P. quản lý phần di sản thừa kế của ông Đ. theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Công nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tọa lạc tại: Số 45/16,

đường H.T.K, phường A.N., quận N.K., thành phố Cần Thơ, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 5401070980 (Hồ sơ gốc: 80/2003) do Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ cấp cho ông Trần Văn Đ. và bà Nguyễn Thị H. ngày 17/11/2003 cho ông Trần T.P..

Ông Trần T.P. được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

[3] Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản sơ thẩm: Số tiền 7.500.000 đồng, các đương sự phải chịu như sau:

+ Ông Trần H.H., ông Trần T.P., bà Trần Thị K.H, bà Trần Thị L.D., bà Trần Thị B.L., bà Trần Thị H.H., bà Trần Thị N.G. (Trần Thị Ngọc Giào), bà Trần Thị P.L., ông Trần T.Đ, ông Trần T.D. mỗi người phải chịu 625.000 đồng.

+ Bà Trần K.P., bà Trần N.D. cùng chịu 625.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị T.L., ông Nguyễn L.T., ông Nguyễn Trường T., ông Nguyễn Thành V. cùng chịu 625.000 đồng.

Do ông Trần H.H. đã nộp tạm ứng toàn bộ và đã chi xong nên các đương sự khác phải có trách nhiệm thanh toán lại số tiền nêu trên cho ông H.H. (Riêng đối với ông Trần T.Đ thì ông T.P. có nghĩa vụ nộp thay, được khấu trừ từ số tiền di sản thừa kế được nhận do ông T.P. quản lý).

Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá phúc thẩm: Số tiền là 3.600.000 đồng, bà H. phải chịu chi phí thẩm định và đã nộp xong.

[4] Về án phí dân sự:

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần H.H. được miễn nộp tiền án phí dân sự, được nhận lại 776.500 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 002602 ngày 18/7/2016 tại chi cục Thi hành án dân sự quận N.K., thành phố Cần Thơ.

- Ông Trần T.P., bà Trần Thị K.H. (Trần Thị Kiêm Hoa), bà Trần Thị L.D., bà Trần Thị B.L., bà Trần Thị N.G. (Trần Thị Ngọc Giào), bà Trần Thị P.L., ông Trần T.Đ, ông Trần T.D. mỗi người phải chịu 11.431.000 đồng.

- Bà Trần K.P., bà Trần N.D. cùng chịu 11.431.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị T.L., ông Nguyễn L.T., ông Nguyễn Trường T., ông Nguyễn Thành V. cùng chịu 11.431.000 đồng.

- Ông Trần T.Đ chịu 11.431.000 đồng (Ông Trần T.P. có nghĩa vụ nộp thay, được khấu trừ từ số tiền di sản thừa kế được nhận do ông T.P. quản lý).

- Bà Trần Thị H.H. chịu 14.461.378 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà H. không phải nộp nên được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai thu số 002681 ngày 15/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N.K., thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND thành phố Cần Thơ;
- Cục T.H.A.DS thành phố Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân quận N.K.;
- Chi cục T.H.A DS quận N.K.;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bích Hải